

Mô hình nông nghiệp di sản: Giải pháp dựa vào tự nhiên thích ứng với biến đổi khí hậu vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Hồ Ngọc Sơn*¹, Bùi Tuấn Tuân¹, Đinh Thị Huyền²

¹Trường Đại học Nông lâm - Đại học Thái Nguyên

²Trung tâm Hợp tác và Phát triển Tây Bắc

Gợi ý trích dẫn: Hồ Ngọc Sơn, Bùi Tuấn Tuân, Đinh Thị Huyền, 2023. Mô hình nông nghiệp di sản: Giải pháp dựa vào tự nhiên thích ứng với biến đổi khí hậu vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia, "Khung lý thuyết và kinh nghiệm quốc tế về phát triển bền vững nông nghiệp, kinh tế nông thôn và người nông dân gắn liền với chuyển đổi số quốc gia, đô thị hóa và thích ứng với biến đổi khí hậu", 24/2/2023. Học viện Nông nghiệp, Hà Nội, trang 75-81.

Tóm tắt

Bài viết phân tích mô hình “nông nghiệp di sản” như một giải pháp dựa vào tự nhiên nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc. Nghiên cứu chỉ ra rằng biến đổi khí hậu, suy thoái đất và mất an ninh lương thực đang gia tăng áp lực lên các cộng đồng dễ bị tổn thương. Dựa trên khung lý thuyết của FAO và IUCN, các giải pháp dựa vào tự nhiên như nông lâm kết hợp, nông nghiệp hữu cơ và phục hồi hệ sinh thái có thể nâng cao khả năng chống chịu, đồng thời mang lại lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường. Trường hợp nghiên cứu tại Vân Hồ, tỉnh Sơn La cho thấy việc kết hợp tri thức bản địa với thực hành sinh thái giúp cải thiện sinh kế, bảo tồn đa dạng sinh học và tăng cường gắn kết cộng đồng. Mô hình còn gắn với du lịch sinh thái và giáo dục trải nghiệm. Kết luận, mô hình này là hướng đi tiềm năng cho phát triển bền vững, nhưng cần chính sách hỗ trợ, tài chính và nâng cao năng lực cộng đồng.

Abstract

This paper examines the “agricultural heritage model” as a nature-based solution (NbS) for climate change adaptation in ethnic minority areas of northern Vietnam. It highlights how climate change, land degradation, and food insecurity increasingly threaten vulnerable communities. Drawing on theoretical frameworks from FAO and IUCN, the study shows that NbS such as agroforestry, organic farming, and ecosystem restoration, can enhance resilience while delivering environmental, economic, and social benefits. The case study in Van Ho, Son La province demonstrates how integrating indigenous knowledge with ecological practices improves livelihoods, biodiversity conservation, and

community cohesion. The model also incorporates nature-based tourism and experiential learning, creating diversified income sources. The paper concludes that agricultural heritage systems offer a promising pathway for sustainable rural development. However, scaling up requires supportive policies, financial investment, stakeholder participation, and capacity building, particularly emphasizing local knowledge, gender equality, and community empowerment.

1. Đặt vấn đề

Biến đổi khí hậu và an ninh lương thực là những thách thức xã hội lớn trong thế kỷ 21. Việt Nam thuộc nhóm quốc gia dễ bị tổn thương nhất do các tác động của biến đổi khí hậu, trong đó các nhóm dân tộc thiểu số nghèo ở các khu vực bị thiệt thòi là những đối tượng bị ảnh hưởng nặng nề nhất (Son và cs, 2019). An ninh lương thực phụ thuộc vào việc quản lý bền vững các hệ sinh thái một cách khoẻ mạnh. Tuy nhiên, 50% diện tích đất nông nghiệp và hệ sinh thái biển trên thế giới đã bị suy thoái (Iseman và Miralles, 2021). Tương tự, Việt Nam có khoảng 21 triệu ha đất nông lâm nghiệp, trong đó 7,55 triệu ha bị thoái hóa. Trong tổng diện tích đất, có 13.048 km² bị suy thoái nghiêm trọng (khoảng 4%), 24.043 km² có dấu hiệu suy thoái (7,3%) và 67.005 km² đang bị đe dọa suy thoái (20,4%) (Gobin và cs, 2020). Do đó các hệ thống nông nghiệp-lương thực hiện tại cần phải được quản lý theo cách bền vững và linh hoạt hơn. Các giải pháp dựa trên tự nhiên (nature-based solutions) có tiềm năng lớn để đạt được điều này. Các giải pháp dựa trên tự nhiên bao gồm một loạt các thực hành có thể được triển khai trực tiếp trong sản xuất lương thực và thực phẩm. Các giải pháp dựa trên tự nhiên có khả năng giải quyết cả những thách thức về giảm thiểu và thích ứng với khí hậu với chi phí tương đối thấp đồng thời mang lại nhiều lợi ích cho con người và thiên nhiên. Từ xa xưa người dân địa phương đã biết sử dụng tự nhiên để tồn tại và chống lại các hiện tượng thiên tai khắc nghiệt. Tuy nhiên, các thách thức đó được dự báo sẽ ngày càng ra tăng trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng, các dự báo đều cho thấy nhiệt độ trái đất có thể tăng thêm hơn 1,5°C vào năm 2030. Bài tham luận này trình bày về một số cơ sở lý thuyết và thực tiễn áp dụng giải pháp dựa vào tự nhiên trong mô hình nông nghiệp di sản tại huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La. Mục tiêu là giới thiệu một mô hình phát triển nông thôn sáng tạo có khả năng thích ứng cao trong bối cảnh biến đổi khí hậu và phù hợp với tiềm năng và thế mạnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Giải pháp dựa vào tự nhiên

Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN, 2020) định nghĩa giải pháp dựa vào tự nhiên là “các hành động nhằm bảo vệ, quản lý bền vững và khôi phục các hệ sinh thái tự nhiên hoặc bị biến đổi, nhằm giải quyết các thách thức xã hội một cách hiệu quả và thích ứng, đồng thời mang lại lợi ích

cho con người và đa dạng sinh học”. Như vậy giải pháp dựa vào tự nhiên có thể bao gồm nhiều hành động như trồng mới và phục hồi rừng, nông lâm kết hợp, cải tạo đất, kè sinh thái hay vườn rừng. Các giải pháp này không mới, đã được áp dụng từ lâu đời tại các vùng sinh thái khác nhau. Vấn đề chính là làm sao để các giải pháp này được áp dụng rộng rãi và chủ động tại các địa phương và phát huy hiệu quả cao nhất.

Theo tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO), áp dụng các giải pháp tự nhiên trong nông nghiệp mang lại nhiều lợi ích cho nông dân và môi trường tự nhiên. Dưới đây là bốn cách mà giải pháp dựa vào tự nhiên mang lại lợi ích cho con người và xã hội. Thứ nhất, giải pháp dựa vào tự nhiên giúp những người dân nghèo đạt được an ninh lương thực và tiếp cận thực phẩm bổ dưỡng dễ dàng hơn. Nông dân quy mô nhỏ canh tác 60–80% lương thực được sản xuất ở các nước đang phát triển. Do đó, khả năng tiếp cận thực phẩm đa dạng và bổ dưỡng của những người dân nông thôn nghèo nhất phụ thuộc vào loại cây trồng họ trồng và vật nuôi họ nuôi. Giải pháp dựa vào tự nhiên giúp sản xuất lương thực có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, cho phép nông dân thích ứng hiệu quả, đồng thời quản lý và cải thiện chất lượng nguồn nước và đất đai sẵn có cho họ. Thứ hai, giải pháp dựa vào tự nhiên hạn chế tác động của thiên tai đối với cộng đồng và môi trường của họ. Các hiện tượng thời tiết khắc nghiệt đang xảy ra thường xuyên hơn và với cường độ lớn hơn do biến đổi khí hậu, gây khó khăn nghiêm trọng cho các nông dân quy mô nhỏ. Giải pháp dựa vào tự nhiên có thể giúp giảm thiểu tác động của những cú sốc này (Sonneveld và cs, 2018).

Thứ ba, giải pháp dựa vào tự nhiên làm giảm tác động kinh tế và xã hội của biến đổi khí hậu đối với người dân nông thôn. Cuộc sống nông thôn đã thay đổi để thích ứng với khí hậu và những thay đổi này mang lại nguy cơ mất sinh kế và mất an ninh lương thực ngày càng tăng đối với các khu vực nông thôn vốn đã nghèo khó. Nếu những người trẻ tuổi không nhìn thấy tương lai ở những khu vực này thì họ có thể sẽ di cư. Việc di cư có thể tạo ra áp lực xã hội và góp phần gây ra rủi ro xung đột ở những nơi khác. Giải pháp dựa vào tự nhiên cũng có thể giúp giải quyết vấn đề. Bằng cách thúc đẩy các hoạt động đa dạng hóa sản xuất, đồng thời khuyến khích sự phát triển của các ngành chế biến thực phẩm địa phương, giải pháp dựa vào tự nhiên có thể hỗ trợ hệ sinh thái các nhà sản xuất trong bối cảnh kinh tế sôi động kết nối với thị trường địa phương và quốc gia. Thứ tư, giải pháp dựa vào tự nhiên coi các nhà sản xuất nông thôn quy mô nhỏ và người dân bản địa là những người bảo vệ môi trường tự nhiên. Canh tác quy mô nhỏ có thể bền vững về mặt môi trường hơn nhiều so với canh tác quy mô công nghiệp. Những người nông dân quy mô nhỏ không chỉ sản xuất ra nhiều loại thực phẩm đa dạng hơn mà họ còn hòa hợp hơn với cảnh quan địa phương mà họ phụ thuộc vào. Tương tự như vậy, người dân bản địa có kinh nghiệm lâu năm và cam kết quản lý bền vững môi trường tự nhiên của họ. Như vậy có thể thấy rằng các giải pháp dựa vào tự nhiên được coi như một phương pháp tiếp cận bao trùm nhiều phương pháp tiếp cận như thích ứng dựa vào hệ sinh thái đang được thúc đẩy và khuyến khích áp dụng nhằm giải quyết các thách thức xã hội một cách hiệu quả trong đó có biến đổi khí hậu, rủi ro thiên tai và an ninh lương thực (Miralles-Wilhelm, 2021).

Mô hình Nông nghiệp di sản tại huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La đã áp dụng các giải pháp dựa vào tự nhiên tuân theo các tiêu chí của tổ chức IUCN. Cụ thể, canh tác nông nghiệp hữu cơ sử dụng phân hữu cơ từ sinh khối thực vật và chất thải chăn nuôi, sử dụng thảm che phủ mặt đất để hạn chế xói mòn rửa trôi đất, phát triển mô hình vườn rừng (Syntropic food forest) (Albrecht và Wiek, 2021), mô hình du lịch dựa vào tự nhiên, sử dụng các loại cây họ đậu cải tạo đất. Các giải pháp này đến nay cho thấy hiệu quả rất rõ ràng về kinh tế (giảm chi phí, tăng thu nhập), về xã hội (tạo thêm việc làm, gắn bó cộng đồng) và giá trị môi trường môi trường (cảnh quan được bảo vệ, suối cá, rừng cây, lúa hữu cơ được duy trì).

2.2. Di sản nông nghiệp

Để đối phó với xu hướng toàn cầu làm suy giảm nông nghiệp hộ gia đình (family farming) và hệ thống nông nghiệp truyền thống, vào năm 2002, trong Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về Phát triển Bền vững tại Johannesburg, Nam Phi, Tổ chức FAO đã đưa ra một sáng kiến hợp tác toàn cầu về bảo tồn và quản lý thích ứng “Hệ thống di sản nông nghiệp quan trọng toàn cầu” (Globally Important Agricultural Heritage Systems (GIAHS)). Mục tiêu chung của sự hợp tác này là để xác định và bảo vệ hệ thống di sản nông nghiệp quan trọng toàn cầu và cảnh quan liên quan đến chúng, các hệ thống đa dạng sinh học và kiến thức nông nghiệp thông qua thúc đẩy và thiết lập một chương trình dài hạn để hỗ trợ cho những hệ thống như vậy và nâng cao lợi ích của quốc tế, quốc gia và địa phương thông qua việc bảo tồn, quản lý bền vững và tăng cường năng lực. Hệ thống di sản nông nghiệp quan trọng toàn cầu (GIAHS) được định nghĩa là “Hệ thống sử dụng đất và cảnh quan nổi bật ở đó giàu có về đa dạng sinh học, được phát triển từ sự cùng thích nghi của một cộng đồng người dân với môi trường thông qua việc đáp ứng những nhu cầu cần thiết và những khát vọng phát triển bền vững của cộng đồng đó”.

Hơn 90% của 570 triệu trang trại trên toàn thế giới được quản lý bởi các cá nhân hoặc gia đình và dựa vào lao động của hộ gia đình. Trang trại hộ gia đình sản xuất hơn 80% giá trị lương thực trên toàn thế giới, nó cho thấy tầm quan trọng của nông trại nhỏ trong việc đảm bảo an ninh lương thực trên thế giới ngày nay và trong tương lai. Hầu hết các nông trại trên thế giới đều có qui mô nhỏ hoặc rất nhỏ. Nông trại nhỏ hơn 2ha chiếm 84% tổng số các nông trại và chỉ đại diện cho 12% đất nông nghiệp (FAO, 2022). Hiện nay, các hệ thống sản xuất nông nghiệp truyền thống vẫn đang cung cấp lương thực, thực phẩm hàng ngày cho khoảng hai tỷ người. Các hệ thống này đồng thời cũng đang duy trì sự đa dạng sinh học, sinh kế, kiến thức và văn hóa thực tiễn. Hệ thống di sản nông nghiệp quan trọng toàn cầu (GIAHS) được lựa chọn dựa trên cơ sở là tầm quan trọng của chúng trong việc đảm bảo an ninh lương thực ở địa phương, có mức độ đa dạng sinh học nông nghiệp cao, lưu trữ tri thức bản địa và sự tinh xảo của các hệ thống quản lý. Các hệ thống di sản nông nghiệp là mái nhà chung của hàng ngàn các nhóm dân tộc, các cộng đồng bản địa và người dân địa phương với nhiều nền văn hóa, ngôn ngữ và tổ chức xã hội.

Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên Hợp Quốc đã phê duyệt hơn 60 địa điểm GIAHS trên khắp thế giới. 5 tiêu chí của một điểm di sản nông nghiệp theo FAO là:

Tiêu chí 1. An ninh lương thực và sinh kế: Hệ thống nông nghiệp được đề xuất góp phần đảm bảo an ninh lương thực và/hoặc sinh kế của cộng đồng địa phương.

Tiêu chí 2. Đa dạng sinh học nông nghiệp: Đa dạng sinh học nông nghiệp, theo định nghĩa của FAO là sự đa dạng của động vật, thực vật và vi sinh vật được sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp cho lương thực và nông nghiệp, bao gồm cây trồng, vật nuôi, lâm nghiệp và thủy sản. Hệ thống canh tác cần ưu tiên việc bảo tồn đa dạng sinh học và nguồn gen có ý nghĩa toàn cầu đối với lương thực và nông nghiệp.

Tiêu chí 3. Hệ tri thức địa phương và truyền thống: Hệ thống cần duy trì kiến thức và các thực hành truyền thống vô giá của địa phương, công nghệ thích ứng và hệ thống quản lý tài nguyên thiên nhiên, bao gồm hệ sinh vật, đất, nước đã hỗ trợ các hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp và/hoặc ngư nghiệp.

Tiêu chí 4. Văn hóa, hệ thống giá trị và tổ chức xã hội: Các tổ chức xã hội, hệ thống giá trị và thực hành văn hóa liên quan đến quản lý tài nguyên và sản xuất lương thực có thể đảm bảo bảo tồn và thúc đẩy sự công bằng trong việc sử dụng và tiếp cận các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Tiêu chí 5. Cảnh quan: Các điểm GIAHS đại diện cho cảnh quan đất liền hoặc cảnh quan biển đã được phát triển theo thời gian thông qua sự tương tác giữa con người và môi trường.

Mô hình nông nghiệp di sản tại tỉnh Sơn La được xây dựng dựa trên 05 tiêu chí của một điểm di sản nông nghiệp của FAO. Cụ thể, các hoạt động canh tác nông nghiệp theo hướng sinh thái, sử dụng tri thức bản địa, địa phương được thúc đẩy và phát huy nhằm tạo ra lương thực thực phẩm đồng thời bảo vệ cảnh quan tự nhiên và đa dạng sinh học. Các hoạt động văn hoá cộng đồng được bảo tồn và phát triển phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội địa phương. Hoạt động du lịch dựa vào thiên nhiên (nature-based tourism) phát triển dựa trên nền là sản xuất nông nghiệp hữu cơ, việc bảo vệ cảnh quan đã giúp người dân có thể tạo ra sinh kế bền vững từ tài nguyên bản địa.

2.3.Thích ứng với biến đổi khí hậu

Cùng với vùng biển thì khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam thuộc nhóm chịu tác động nhiều nhất của biến đổi khí hậu. Các biểu hiện của biến đổi khí hậu tại Bản Bướm, xã Chiềng Yên, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La bao gồm thời tiết ngày càng khắc nghiệt hơn, mùa hè nắng nóng hơn, mùa đông thì ẩm hơn và ngắn lại, các hiện tượng thời tiết trở nên khó dự báo hơn, hán hán kéo dài làm suy thoái đất dốc, giảm năng suất cây trồng, đe dọa an ninh lương thực và làm trầm trọng thêm mức độ tổn thương của đồng bào dân tộc thiểu số. Do đây là cộng đồng nghèo nên năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu rất hạn chế, nguồn lực để thực hiện các giải pháp công trình thích ứng với biến đổi khí hậu cũng rất hạn chế. Do vậy việc thực hiện các giải pháp thích ứng dựa vào hệ sinh thái, các mô hình nông nghiệp gắn với du lịch trải nghiệm sẽ mở ra hướng đi mới và bền vững hơn cho cộng đồng.

Theo IPCC thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH) là một quá trình qua đó con người làm giảm những tác động bất lợi của khí hậu đến sức khỏe, đời sống và tận dụng được những cơ hội thuận lợi mà biến đổi khí hậu mang lại. Thuật ngữ thích ứng có nghĩa là điều chỉnh, hoặc thụ động, hoặc phản ứng tích cực, hoặc có phòng bị trước, được đưa ra với ý nghĩa là giảm thiểu và cải thiện những hậu quả có hại của BĐKH.

Các giải pháp dựa vào tự nhiên trong đó có mô hình nông nghiệp di sản dựa trên lý thuyết của FAO là giải pháp tuyệt vời nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Vùng đồng bào dân tộc thiểu số có đặc điểm chung là có tài nguyên đa dạng sinh học phong phú, cảnh quan đẹp, có các hoạt động văn hoá cộng đồng đặc sắc do nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số xây dựng và phát triển. Các đặc điểm này đều đáp ứng 05 tiêu chí của FAO về các di sản nông nghiệp cần bảo tồn và phát triển.

Mô hình nông nghiệp di sản tại huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La đã thực hiện những điều chỉnh hệ thống để có thể giảm tác động của biến đổi khí hậu và tận dụng những cơ hội nếu có góp phần thích ứng tốt nhất với biến đổi khí hậu và đáp ứng được vấn đề an ninh lương thực cho người dân. Cụ thể, việc chuyển đổi sang canh tác lúa tẻ râu hữu cơ theo tiêu chuẩn PGS sử dụng phân hữu cơ tự ủ, áp dụng các phương pháp phòng trừ sâu bệnh sử dụng tri thức bản địa cũng như dùng phương pháp của nông nghiệp hữu cơ đã giảm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân hoá học kết quả là giảm được chi phí sản xuất, nông sản bán được giá cao hơn cho doanh nghiệp liên kết, bảo vệ được môi trường nước góp phần tạo cảnh quan đẹp thu hút khách du lịch và trải nghiệm chính môi trường sản xuất và cảnh quan, tạo ra việc làm và thu nhập tại chỗ cho cộng đồng địa phương.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Mô hình Nông nghiệp di sản tại huyện Vân Hồ tỉnh Sơn La (Vanho Agritage) được phát triển trong khuôn khổ dự án “Nâng quyền kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số thông qua phát triển hệ thống thị trường cho gạo đặc sản tại tỉnh Sơn La” do Chính phủ Úc tài trợ và do Trung tâm ADC, Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên và Trung tâm Hợp tác và Phát triển Tây Bắc thực hiện tại huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La. Mô hình này hướng đến sự phát triển của cộng đồng thông qua mang lại lợi ích kinh tế cho cộng đồng từ các hoạt động nông nghiệp, du lịch cũng như chú trọng đến phát huy nội lực của cộng đồng, tăng cường vai trò lãnh đạo của phụ nữ, cải thiện bình đẳng giới nhằm hướng đến phát triển bền vững. Mô hình này vừa khai thác hiệu quả những điều kiện thực tế về tự nhiên, môi trường và xã hội nhưng đồng thời bảo tồn những giá trị di sản về tự nhiên (cảnh quan, đa dạng sinh học), xã hội (văn hoá, phong tục tập quán, tri thức bản địa) của vùng núi và dân tộc thiểu số. Mô hình được xây dựng dựa trên 05 tiêu chí của FAO đối với các điểm di sản nông nghiệp (GIAHS). Các thực hành canh tác nông nghiệp áp dụng các nguyên tắc và tiêu chí của IUCN đối với giải pháp dựa vào tự nhiên, ví dụ mô hình canh tác nông nghiệp hữu cơ áp dụng tiêu chuẩn PGS được thực hiện tại địa phương, mô hình vườn rừng được triển khai nhằm phục hồi hệ sinh thái đất dốc bị suy thoái và cung cấp lương thực thực phẩm cho khách đến trải nghiệm. Suối cá tự nhiên cũng được bảo vệ phục vụ cho phát triển du lịch sinh thái, tạo thêm việc làm và thu nhập cho phụ nữ địa phương. Các tri thức bản địa, địa phương được áp dụng trong các thực hành canh tác, quản lý tài nguyên đất và nước vừa góp phần nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu vừa góp phần bảo tồn và phát triển các di sản của cộng đồng cho các thế hệ tương lai.

Hiện nay mô hình nông nghiệp di sản được thúc đẩy phát triển thành mô hình làng nông nghiệp di sản (Agritage village). Mô hình này sẽ thúc đẩy hoạt động nông nghiệp sinh thái để tạo ra nguồn lương

thực thực phẩm chất lượng phục vụ cho khách đến du lịch và trải nghiệm văn hoá, cảnh quan. Các hoạt động sản xuất nông nghiệp cũng đồng thời là nội dung để phục vụ cho giáo dục trải nghiệm. Hoạt động dịch vụ giáo dục trải nghiệm, kinh doanh nông nghiệp sẽ do 01 Hợp tác xã tại địa phương vận hành do người địa phương làm chủ. Mô hình này đã và sẽ góp phần nâng cao năng lực, tiếng nói và tự chủ cho cộng đồng địa phương. Các yếu tố này giúp cộng đồng có thể phát triển kinh tế dựa trên nguồn lực địa phương, tài nguyên bản địa như vậy sẽ bền vững hơn trong các biến động của xã hội như dịch bệnh hay biến đổi khí hậu. Cụ thể, khi dịch bệnh COVID19 xảy ra, nhiều lao động ở nông thôn đã không thể tìm được việc làm tại các thành phố, trung tâm kinh tế vì cách li xã hội do đó họ buộc phải tìm cách kiếm sống tại địa phương. Mô hình làng nông nghiệp di sản tại Vân Hồ Sơn La đã nhận được sự quan tâm của chính quyền, các tổ chức quốc tế và tổ chức xã hội ở Việt Nam bởi nó đáp ứng nhiều yếu tố về phát triển cộng đồng bền vững.

4. Kết luận và hàm ý chính sách

Các giải pháp dựa vào tự nhiên không phải là khái niệm mới nhưng trong bối cảnh biến đổi khí hậu gia tăng thì nó cần được triển khai khẩn trương hơn và qui mô lớn hơn. Để thúc đẩy các giải pháp dựa vào thiên nhiên như mô hình nông nghiệp di sản hay du lịch dựa vào thiên nhiên thì cần đảm bảo rằng việc thiết kế các giải pháp dựa vào tự nhiên đó dựa trên các nguyên tắc của IUCN, trong đó đặc biệt quan tâm đến sự tham gia của các bên liên quan chủ chốt, xem xét đến các vấn đề xã hội, tri thức bản địa của cộng đồng, vấn đề tiếng nói và bình đẳng giới. Ngoài ra thì vấn đề tài chính để triển khai các sáng kiến, các mô hình đó. Nếu không bền vững về tài chính thì mô hình sẽ thất bại hoặc không thể nhân rộng. Bên cạnh đó, việc nâng cao năng lực cho các bên liên quan về tầm quan trọng và giá trị của các giải pháp dựa vào tự nhiên thông qua đào tạo, mô hình và trải nghiệm thực tế là rất cần thiết.

Các chương trình chính sách của nhà nước nên tạo điều kiện để khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên bản địa bao gồm có tri thức bản địa vào phát triển kinh tế địa phương như vậy sẽ giúp phát huy tiềm năng của cộng đồng, giải quyết các vấn đề xã hội và nâng cao vị thế của cộng đồng địa phương. Các nông sản bản địa, địa phương luôn có thị trường nếu có thể phát triển theo mô hình nông nghiệp di sản gắn với du lịch trải nghiệm và giáo dục trải nghiệm. Phát triển nông nghiệp cần có những thay đổi đột phá trong đó việc phát triển hệ thống thị trường cho các chuỗi giá trị là một hướng đi có thể giải quyết được các hạn chế của mô hình truyền thống.

Mô hình nông nghiệp di sản dựa vào nông nghiệp sinh thái gắn với du lịch trải nghiệm và giáo dục là hướng đi phù hợp với nhiều địa phương nông thôn miền núi ở Việt Nam. Tuy nhiên, cần tiếp cận theo hướng phát triển hệ thống thị trường, đó là có sự đồng đầu tư của doanh nghiệp và nâng cao năng lực cho các tác nhân trong hệ thống thị trường tại địa phương. Đến nay mô hình nông nghiệp di sản tại Sơn La đang được một số địa phương, tổ chức phát triển trong nước và quốc tế quan tâm đề nghị được chia sẻ, học tập và chuyển giao cho thấy nó bước đầu là hướng đi đúng với nhiều địa phương.

Tài liệu tham khảo

- Albrecht, S., & Wiek, A., 2021. Food forests: Their services and sustainability, *Journal of Agriculture, Food Systems, and Community Development*, 10(3): 91–105.
- FAO, 2022. Giới thiệu Chương trình bảo tồn các di sản nông nghiệp của FAO.
<https://www.fao.org/giahs/en/>
- Gobin A, Hien LTT, Hai LT, Linh PH, Thang NN, Vinh PQ., 2020. Adaptation to Land Degradation in Southeast Vietnam. *Land*, 9(9):302.
- Iseman, T. and Miralles-Wilhelm, F. 2021. *Nature-based solutions in agriculture – The case and pathway for adoption*. Virginia. FAO and The Nature Conservancy.
- IUCN, 2020. *IUCN Global Standard for Nature-Based Solutions: A User-Friendly Framework for the Verification, Design and Scaling up of NbS*.
- Miralles-Wilhelm, F. 2021. *Nature-based solutions in agriculture – Sustainable management and conservation of land, water, and biodiversity*. Virginia. FAO and The Nature Conservancy
- Sonneveld, B.G.J.S. Merbis, M.D. Alfara, A. & Ünver, O. and Arnal, M.A. 2018. Nature-Based Solutions for agricultural water management and food security. FAO Land and Water Discussion Paper no. 12. Rome, FAO. 66 pp.
- Son, H.N., Chi, D.T.L. and Kingsbury, A., 2019. Indigenous knowledge and climate change adaptation of ethnic minorities in the mountainous regions of Vietnam: A case study of the Yao people in Bac Kan Province. *Agricultural Systems*, 176, p.102683